

Bản án số 86/2020/HS-ST
Ngày 04/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mơ và ông Nguyễn Hữu Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2020/TLST-HS, ngày 06/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-HS ngày 16/11/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 58/2020/QĐHPT-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Hà Văn C; sinh năm: 1987; nơi sinh: tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn Thị H, xã Hòa T, huyện Hữu L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Hà Văn T, sinh năm 1958 và bà Trần Thị L, sinh năm 1961; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/3/2020 đến ngày 07/8/2020 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh- bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Anh Trần Văn H, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn Đăk K, xã Đăk N, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

2. Ông Y Ph, sinh năm 1966, trú tại: Bon Bu ND, xã Đăk N, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

3. Ông Thái Doãn H1, sinh năm 1975, trú tại: Thôn 01, xã Nam N, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

4. Chị Thị A, sinh năm 1992, trú tại: Bon Ty S, xã Đăk N, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

5. Chị Thị Th, sinh năm 1994, trú tại: Bon Ty S, xã Đăk N, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

6. Chị Thị H2, sinh năm 1990, trú tại: Bon Ty S, xã Đăk N, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

7. Chị Thị V, sinh năm 1977, trú tại: Bon Ty S, xã Đăk N, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

8. Anh Y Kh, sinh năm 1982, trú tại: Bon Ty S, xã Đăk N, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

9. Ông Điều Ph, sinh năm 1972, trú tại: Bon Bu N, xã Đắc N, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

10. Ông Điều M'B, sinh năm 1976, trú tại: Bon Bu N, xã Đắc N, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – có mặt.

11. Ông Điều S, sinh năm 1966, trú tại: Bon Bu N, xã Đắc N, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

12. Chị Triệu Thị L, sinh năm 1976, trú tại: Thôn Đắc K, xã Đắc N, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Ngọc D, sinh năm 1993, trú tại: Thôn 05, xã Cư N, huyện Ea K, tỉnh Đắc Lăk – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1988, trú tại: Thôn 10, xã Nam B, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1982, trú tại: Tổ 02, thị trấn Đức A, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

3. Anh Hoàng Ngọc H3, sinh năm 1984, trú tại: Tổ 05, phường Nghĩa Th, thành phố Gia N, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, trú tại: Thôn Đắc K, xã Đắc N, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

5. Anh Lê Thanh H4, sinh năm 1991, trú tại: Thôn 02, xã Nam N, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1993, trú tại: Thôn Đắc K, xã Đắc N, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

7. Ông Huỳnh Văn H5, sinh năm 1976, trú tại: B709 Cao ốc An Lạc, phường An L, quận Bình T, thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

8. Anh Điều Th1, sinh năm 1985, trú tại: Bon Bu W, xã Đắc N, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

9. Anh Điều X, sinh năm 1988, trú tại: Bon Bu W, xã Đắc N, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

10. Anh Y Đ, sinh năm 1984, trú tại: Bon Bu W, xã Đắc N, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2013 đến năm 2017, Công ty Phúc Gia (địa chỉ B709, cao ốc An L, 28 Bùi Tư T, Phường An L, Quận Bình T, TP. Hồ Chí Minh) đã ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắc Nông thực hiện hợp đồng đo đạc, thiết lập bản đồ chi tiết tại xã Đắc N, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông. Trong số những người được Công ty Phúc Gia thuê thực hiện việc đo đạc tại xã Đắc N có Hà Văn C. Quá trình thực hiện đo đạc, thu thập thông tin thửa đất, vào các năm 2016 và 2017, C đã tự giới thiệu với người dân về việc mình có thể làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân có nhu cầu và ra giá tiền để làm với từng loại đất và diện tích khác nhau mặc dù không có thẩm quyền, chức năng làm Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất. Vì tin tưởng rằng C có thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên một số hộ dân đã giao tiền cho C với mức tiền mà C đưa ra. Để tạo niềm tin đối với người dân, trong một số lần nhận tiền, Hà Văn C còn in sẵn, viết giấy biên nhận về việc nhận tiền để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân và đều ký biên nhận vào các giấy tờ này. Có trường hợp sau khi nhận tiền một thời gian C còn lấy một phôi bìa đã được cấp cho người khác rồi phô tô thay đổi thông tin đưa cho người đưa tiền. Với thủ đoạn như trên, trong năm 2016 và 2017 C đã chiếm đoạt tiền của nhiều người dân có đất đai trên địa bàn xã Đắc N để sử dụng tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 6/2016, bà Triệu Thị L do tin tưởng nên đã nhờ Hà Văn C làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mảnh rẫy của bà L có diện tích khoảng 0,6 ha tại thôn Đắc K, xã Đắc N, huyện Đắc S, tỉnh Đắk Nông. C nói có thể làm được với chi phí hết 12.000.000 đồng. Bà L đã đưa cho C trước số tiền 7.000.000 đồng. Khi nhận tiền C hẹn một thời gian sau sẽ làm được. Khi đưa tiền cho C, giữa C và bà L không làm giấy tờ gì, cũng không có ai chứng kiến.

Vụ thứ hai: Gia đình anh Trần Văn H có một mảnh đất rẫy ở khu vực giáp ranh giữa xã Trường X và xã Đắc N với diện tích khoảng 04 ha. Anh H hỏi nhờ Ch làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mảnh đất này. Mặc dù, sau khi đo đạc, biết rõ mảnh rẫy của anh H nằm trong khu vực chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng C vẫn khẳng định với anh H làm được và ra giá tiền là 17.000.000đ/ha và tổng cộng hết 67.000.000 đồng. Ngày 13/6/2017 anh H đã đưa trước cho C số tiền 30.000.000 đồng. Lần đưa tiền này, anh H được C đưa cho một giấy nhận tiền được in sẵn trên tờ giấy A4 và C ký phía dưới. Đến khoảng tháng 8/2017, C gọi điện nói với anh H sắp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hẹn anh H tại quán cà phê Cây Gạo ở thị trấn Đức A, huyện Đắc S để đưa thêm tiền cho C. Tại đây, anh H đã đưa cho anh C số tiền 30.000.000 đồng. Thời gian sau đó, không thấy C làm giấy chứng nhận cho mình, liên lạc không được nên ngày 03/10/2017 anh H đã đến nơi C thuê trọ ở thôn Đắc K, xã Đắc N. Tại đây, C đã viết một giấy tay với nội dung nhận của anh H tổng cộng 60.000.000 đồng và hẹn 10 ngày sau sẽ có bìa. Tuy nhiên sau đó C không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không trả lại tiền cho anh H.

Vụ thứ ba: Gia đình ông Thái Doãn H1 có một mảnh đất rẫy ở khu vực giáp ranh giữa xã Trường X và xã Đắc N với diện tích khoảng 1,9 ha. Nghe thông tin C có thể làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 21/3/2017 ông H2 cùng vợ là bà Thái Thị L đến nơi C ở trọ hỏi nhờ C làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mảnh đất này. Mặc dù sau khi kiểm tra trên máy tính biết rõ mảnh rẫy của ông H2 nằm trong khu vực chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng C vẫn khẳng định với ông H làm được và ra giá tiền là 28.000.000 đồng và phải đưa trước cho C số tiền 14.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ đưa hết. Ngay sau đó, C đã được ông H2 đưa cho số tiền 14.000.000 đồng. Lần đưa tiền này C in một giấy nhận tiền đưa cho ông H2 và hẹn đến ngày 15/5/2017 sẽ xong. Khoảng tháng 5/2017 thấy vẫn chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà Thái Thị L đã đến hỏi sau đó đưa cho C thêm 2.000.000 đồng nữa với mục đích thúc giục C hoàn thành sớm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình mình. Thời gian sau đó, ông H2 nhiều lần tìm gặp

C. Để tạo tin tưởng cho ông H2, C đã lấy một bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE113707 đã được cấp cho ông Lương Công V và bà Đặng Thị P. Sau đó, C chỉnh sửa những thông tin trong bìa cho phù hợp với mảnh đất của gia đình ông H2 và phô tô bản không có chữ ký của người có thẩm quyền cho ông H2. Khi đưa, C nói với ông H2 đã làm xong và đang chờ ký và còn nhận của ông Thái Doãn H2 thêm số tiền 7.000.000 đồng. Thời gian sau đó C chỉ hứa hẹn rồi ông H2 không liên lạc được với C nữa. Khi ông C đưa tiền cho C không có giấy tờ. Tổng số tiền chứng minh được C đã chiếm đoạt của ông Thái Doãn H2 là 23.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình làm từ năm 1995 bị thất lạc mất muốn làm lại nên các ông Điều Ph, ông Điều M'B L và ông Điều S đã đến nơi trọ tìm gặp C nhờ kiểm tra xem có làm được không. Sau khi kiểm tra, C nói có thể làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cả ba người với chi phí của mỗi người là khác nhau. Đồng ý với số tiền C đưa ra nên ông Điều M'B L đã đưa trước 10.000.000 đồng, ông Điều S và Điều Ph mỗi người đưa trước 5.000.000 đồng. Ngày 26/6/2017 cả ba người này lại đến gặp và đưa thêm tiền cho C. Trong đó ông Điều M'B L đưa thêm 20.000.000 đồng, ông Điều S và Điều Ph mỗi người đưa thêm 10.000.000 đồng. Sau đó C vẫn chưa làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình mình nên ngày 21/9/2017 những người này đã đến phòng trọ gặp C. Để tạo niềm tin cho họ C đã hẹn đến ngày 21/10/2017 sẽ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng thời in một giấy nhận tiền mang tên Điều M'B L có chữ ký của C với tổng số tiền của ba người là 60.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Bà Thị H3, bà Thị V, bà Thị T, ông Y Kh và bà Thị A là họ hàng của nhau. Vào đầu tháng 8/2017 cùng nhờ Hà Văn C làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình mình, các địa chỉ thửa đất đều thuộc xã Đắc N'DR. C nói với những người này là có thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ với số tiền của từng người khác nhau. Tất cả những người này đều đồng ý với số tiền mà C đưa ra nhưng họ không trực tiếp đưa tiền cho C mà nhờ bà Thị V tập hợp đưa cho C. Trong đó: Y Kh đưa cho bà V số tiền 25.000.0000 đồng, Thị Th đưa 10.000.000 đồng, Thị H3 và Thị A mỗi người đưa 15.000.000 đồng. Sau khi cầm tiền của những người này bà Thị V lấy thêm số tiền 14.000.0000 đồng của gia đình mình rồi đưa cho C. Vào các ngày 15, 16, 23 và 25/8/2017 bà Thị V đã đưa cho C 04 lần với tổng số tiền là 79.000.000 đồng. Những lần này C đều trực tiếp đến nhà bà Thị V nhận tiền và điều ghi, ký nhận vào sổ tay của bà V.

Vụ thứ sáu: Gia đình ông Y Ph có 01 thửa đất nông nghiệp diện tích khoảng 0,3 ha ở bon Bu N D, 01 thửa đất ở tại bon Bu N'D, 01 thửa đất nông nghiệp diện tích khoảng 0,6 ha ở thôn Đắc K, xã Đắc N'D chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 thửa đất diện tích khoảng 1,5 ha (trong đó 0,9 ha đã có sổ đỏ) được thừa kế từ bố mẹ vợ nhưng chưa sang tên cho vợ chồng ông Y P. Vì muốn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất này nên khoảng tháng 7/2016 ông Y P đã liên hệ nhờ C làm và được C nhận lời. Do tin tưởng C làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình mình nên từ tháng 7/2016 đến năm 2017 ông Y P đã trực tiếp gặp đưa giấy tờ có liên quan và đưa cho C 04 lần với tổng cộng số tiền là 35.000.000 đồng. Những lần ông Y P đưa tiền cho C đều không thể hiện trên giấy tờ và chỉ có hai người với nhau. Theo thỏa thuận thì số tiền ông P đưa cho C bao gồm cả tiền đóng thuế các thửa đất. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền C không

giúp đỡ gì trong việc làm giấy chứng nhận cho ông Y P, cũng không nộp thuế cho các thửa đất này. Bản thân ông Y P vẫn phải tự làm các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và bỏ tiền ra nộp tiền thuế tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đắk Song. Trong năm 2017 ông Y P cũng mới chỉ được UBND huyện Đắk Song cấp giấy chứng nhận cho thửa đất nông nghiệp có diện tích 3.556m² tại bon Bu N' D thửa đất nông nghiệp có diện tích 6.169m² tại thôn Đắk Kual 5 và dính chính thửa kế thửa đất diện tích khoảng 0,9ha từ bố vợ sang tên vợ ông P là bà Thị Py. Ngoài ra, diện tích đất nhà ở và diện tích đất chưa được cấp bìa nằm trong thửa đất thừa kế vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do muốn C tiếp tục thực hiện công việc này nên ông Y P đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa kế từ bố vợ cho C. Nhưng C đã để lại tại nhà bà Nguyễn Thị L. Sau khi C bỏ đi khỏi xã Đắk N'D thì ông Y P đến chuộc từ bà L số tiền 6.000.000 đồng để lấy giấy chứng nhận thửa đất này về.

Vụ thứ bảy: Khoảng tháng 6/2017 anh Lê Ngọc D được Hà Văn C đứng ra thuê thực hiện việc đo đạc tại xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Công việc D được C giao thực hiện là tiến hành đo đạc cho người dân theo chỉ đạo của C và trong lúc thực hiện anh D đã quen anh Điều Th. Khoảng cuối tháng 6 năm 2017, anh Điều Th có nhờ D đo đạc đất ở và đất rẫy giúp cho hai người họ hàng của mình là anh Y Đ và Điều X. Sau khi đo xong thì hai người này đặt vấn đề nhờ anh D giúp thiết lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình mình. Trong quá trình làm việc D thấy C nhận giúp làm hồ sơ cho nhiều người và nghĩ mình cũng có thể giúp được nên D đã nhận lời giúp Điều X và Y Đ trực tiếp đưa cho C tổng số tiền 11.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền tổng cộng là 11.000.000 đồng từ D, C cũng không tiến hành làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ. Sau khi C bỏ trốn thì anh D đã dùng tiền của mình tiếp tục thực hiện và hoàn thành công việc theo thỏa thuận với Điều X và Y Đ.

Tổng số tiền mà Hà Văn C chiếm đoạt của những hộ dân trên là: 275.000.000 đồng. Theo Hà Văn C khai nhận số tiền này C đã đưa cho Nguyễn Tiến L nguyên là cán bộ Phòng TNMT huyện Đắk Song số tiền 50.000.000 đồng; đưa cho Hoàng Ngọc H cán bộ công chức địa chính xã Đắk N'D số tiền 14.000.000 đồng; đưa cho Nguyễn Xuân K cán bộ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Song số tiền 25.000.000 đồng và mua giúp cho K 01 điện thoại di động I phone trị giá 25.000.000 đồng. Những lần đưa tiền và tài sản này đều không có giấy tờ gì và không có ai chứng kiến, biết việc. Ngoài ra C khai đã sử dụng nộp thuế và chi phí làm giấy chứng nhận cho ông Y P hết số tiền 35.000.000 đồng mà ông Y P đưa. Số tiền còn lại là 126.000.000 đồng, C sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản cáo trạng số 83/CTr – VKS ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song truy tố bị cáo Hà Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song truy tố bị cáo là đúng, không oan.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, những người bị hại có mặt đều yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Văn C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Văn C từ 07 đến 08 năm tù.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Đối với các vật chứng mà Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song đã thu giữ nêu trên cần lưu vào hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết gồm: 01 thẻ nhớ micro SD 4G màu đen, bên trong có chứa một hình ảnh và một clip video được để trong một phong bì thư đã được niêm phong; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn C số 080811986 do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 03/02/2017; 01 tờ giấy ghi “Giấy nhận tiền” thể hiện quá trình nhận số tiền 14.000.000 đồng giữa Hà Văn C với ông Thái Doãn H; 01 tờ giấy ghi “Giấy nhận tiền” thể hiện quá trình nhận số tiền 30.000.000 đồng giữa Hà Văn C với ông Trần Văn H4; 01 tờ giấy ghi “Giấy cam kết nhận tiền” thể hiện quá trình Hà Văn C nhận nợ 60.000.000 đồng với ông Trần Văn H4; 01 tờ giấy ghi “Giấy nhận tiền” thể hiện quá trình nhận số tiền 5.000.000 đồng giữa Hà Văn C với ông Điều Th do Lê Ngọc D giao nộp cho Cơ quan điều tra; 01 tờ giấy ghi “Giấy nhận tiền” thể hiện quá trình nhận số tiền 60.000.000 đồng giữa Hà Văn C với ông Điều MBL; 01 cuốn sổ bằng giấy kẻ ô ly kích thước 10 x 16 cm gồm 20 tờ (40 trang), trong đó tờ 19 và 20 (các trang số 38, 39 và 40) có ghi nội dung Hà Văn C nhận tiền của chị Thị V vào các ngày 15, 16, 23 và 25/8/2017.

Về phân trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hà Văn C phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại cụ thể: Bà Triệu Thị L số tiền 7.000.000 đồng; ông Trần Văn H4 tiền 60.000.000 đồng; ông Thái Doãn H số tiền 23.000.000 đồng; ông Điều M’B L số tiền 30.000.000 đồng; ông Điều Ph số tiền: 15.000.000 đồng; ông Điều S số tiền 30.000.000 đồng; ông Y Kh số tiền 25.000.000 đồng; bà Thị V số tiền 14.000.000 đồng; bà Thị H số tiền 15.000.000 đồng; bà Thị A số tiền 15.000.000 đồng; bà Thị T số tiền 10.000.000 đồng; ông Y P số tiền: 35.000.000 đồng; anh Lê Ngọc D số tiền 11.000.000 đồng. Ông Điều X, ông Y Đ không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa xét xử công khai bị cáo đã thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2016 đến tháng 8/2017. Do biết các hộ dân có nhu cầu làm Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù, chỉ là nhân viên hợp đồng của công ty Phúc Gia thực hiện hợp đồng đo đạc, thiết lập bản đồ chi tiết tại xã Đắc N'D, huyện Đắc S, tỉnh Đắc Nông. Bản thân C không có chức năng, nhiệm vụ thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vì muốn có nhiều tiền tiêu xài cá nhân nên C đã dùng thủ đoạn gian dối tự giới thiệu mình với người dân về việc có thể làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chiếm đoạt tài sản. Tổng số tiền mà C đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của các bị hại là 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“ Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

.....
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

[3] Xét hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo thể hiện sự tính toán, thực hiện một chuỗi hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo ra đầu thú và được người bị hại Trần Văn H4 và Thị V xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên, qua xác minh, bị cáo là người chưa có gia đình, gia đình chưa có tài sản

riêng, không có thu nhập ổn định, không bảo đảm cho việc thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với yêu cầu của những người bị hại tại phiên tòa là có căn cứ cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và chấp nhận buộc bị cáo phải hoàn trả cụ thể như sau: Hoàn trả cho bà Triệu Thị L số tiền 7.000.000 đồng; ông Trần Văn H4 tiền 60.000.000 đồng; ông Điều M'B L số tiền 30.000.000 đồng; ông Điều Ph số tiền: 15.000.000 đồng; ông Điều S số tiền 30.000.000 đồng; ông Y K số tiền 25.000.000 đồng; bà Thị V số tiền 14.000.000 đồng; bà Thị H số tiền 15.000.000 đồng; bà Thị A số tiền 15.000.000 đồng; bà Thị T số tiền 10.000.000 đồng; ông Y P số tiền 35.000.000 đồng; anh Lê Ngọc D số tiền 11.000.000 đồng.

Đối với ông Thái Doãn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra chỉ chứng minh được bị cáo Hà Văn C nhận của ông H số tiền 23.000.000 đồng nên buộc bị cáo C phải trả lại cho ông H số tiền 23.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng ông Y P đưa cho bà Nguyễn Thị L để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Y P sẽ khởi kiện bằng vụ án khác nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với các giấy tờ tài liệu gồm: 01 thẻ nhớ micro SD 4G màu đen, bên trong có chứa một hình ảnh và một clip video được để trong một phong bì thư đã được niêm phong; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn C số 080811986 do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 03/02/2017; 01 tờ giấy ghi “Giấy nhận tiền” thể hiện quá trình nhận số tiền 14.000.000 đồng giữa Hà Văn C với ông Thái Doãn H; 01 tờ giấy ghi “Giấy nhận tiền” thể hiện quá trình nhận số tiền 30.000.000 đồng giữa Hà Văn C với ông Trần Văn H4; 01 tờ giấy ghi “Giấy cam kết nhận tiền” thể hiện quá trình Hà Văn C nhận nợ 60.000.000 đồng với ông Trần Văn H4; 01 tờ giấy ghi “Giấy nhận tiền” thể hiện quá trình nhận số tiền 5.000.000 đồng giữa Hà Văn C với ông Điều T do Lê Ngọc D giao nộp cho Cơ quan điều tra; 01 tờ giấy ghi “Giấy nhận tiền” thể hiện quá trình nhận số tiền 60.000.000 đồng giữa Hà Văn C với ông Điều MBL; 01 cuốn sổ bằng giấy kẻ ô ly kích thước 10 x 16 cm gồm 20 tờ (40 trang), trong đó tờ 19 và 20 (các trang số 38, 39 và 40) có ghi nội dung Hà Văn C nhận tiền của chị Thị V vào các ngày 15, 16, 23 và 25/8/2017 cần lưu kèm vào hồ sơ vụ án.

[9] Đối với lời khai của bị cáo về việc đưa tiền cho Nguyễn Tiến L (nguyên là cán bộ phòng TNMT huyện Đắc Song), Hoàng Ngọc H (cán bộ địa chính xã Đắc N'DR) và Nguyễn Xuân K (cán bộ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắc Song) Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắc Song đã tiến hành đối chất giữa C với L, H và K để làm rõ nội dung này. Tuy nhiên, những người này đều không thừa nhận việc được C đưa tiền cho họ. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được thấy không đủ căn cứ xác định việc Chung đưa tiền cho Nguyễn Tiến L, Hoàng Ngọc H và Nguyễn Xuân K nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắc Song không xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Hà Văn C** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hà Văn C** 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/3/2020 đến ngày 07/8/2020.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Hà Văn C phải trả lại cho những người bị hại số tiền cụ thể như sau:

- Trả cho anh Trần Văn H4 tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng);
- Trả cho ông Y P số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng);
- Trả cho ông Điều M'B L số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);
- Trả cho ông Điều S số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);
- Trả cho ông Y K số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);
- Trả cho ông Thái Doãn H số tiền 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng);
- Trả cho chị Thị H2 số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);
- Trả cho ông Điều P số tiền: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);
- Trả cho chị Thị A số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);
- Trả cho bà Thị V số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng);
- Trả cho anh Lê Ngọc D số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng);
- Trả cho chị Thị T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);
- Trả cho bà Triệu Thị L số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

*** Về vật chứng vụ án:** Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Lưu kèm vào hồ sơ vụ án các vật chứng gồm: 01 thẻ nhớ micro SD 4G màu đen, bên trong có chứa một hình ảnh và một clip video được để trong một phong bì thư đã được niêm phong; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Hà Văn C số 080811986 do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 03/02/2017; 01 tờ giấy ghi “Giấy nhận tiền” thể hiện quá trình nhận số tiền 14.000.000 đồng giữa Hà Văn C với ông Thái Doãn H; 01 tờ giấy ghi “Giấy nhận tiền” thể hiện quá trình nhận số tiền 30.000.000 đồng giữa Hà Văn C với ông Trần Văn H4; 01 tờ giấy ghi “Giấy cam kết nhận tiền” thể hiện quá trình Hà Văn C nhận nợ 60.000.000 đồng với ông Trần Văn H4; 01 tờ giấy ghi “Giấy nhận tiền” thể hiện quá trình nhận số tiền 5.000.000 đồng giữa Hà Văn C với ông Điều T do Lê Ngọc D giao nộp cho Cơ quan điều tra; 01 tờ giấy ghi “Giấy nhận tiền” thể hiện quá trình nhận số tiền 60.000.000 đồng giữa Hà Văn C với ông Điều MBL; 01 cuốn sổ bằng giấy kẻ ô ly kích thước 10 x 16 cm gồm 20 tờ (40 trang), trong đó tờ 19 và 20 (các trang số 38, 39 và 40) có ghi nội dung Hà Văn C nhận tiền của chị Thị V vào các ngày 15, 16, 23 và 25/8/2017.

*** Về án phí:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Hà Văn C phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo; người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện Đắk Song;
- Cơ quan THAHS-CA huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Người làm chứng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm